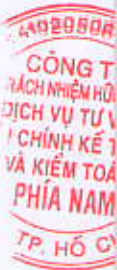


**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP****Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2011****Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	02-03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	04-04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	05-07
Kết quả hoạt động kinh doanh	08-08
Lưu chuyển tiền tệ	09-09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-26



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Vốn của các cổ đông sáng lập là:

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,19%.

**Trụ sở của Công ty** : Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại** : 0650.3.658.278

**Fax:** 0650.3.625.379

### Hoạt động chính của Công ty :

- Khai thác đá, đất sét;
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

### Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2011

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	19/03/2011	
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Chủ tịch	27/10/2006	19/03/2011
		Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Phó Chủ tịch	27/10/2006	19/03/2011
		Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Nguyễn Tiến Trãi	Việt Nam	Thành Viên	27/10/2006	19/03/2011
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	27/10/2006	19/03/2011
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	





# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

## Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Giám đốc	01/12/2006	
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Phó Giám đốc	01/12/2006	

## Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	19/03/2011	
- Ông Nguyễn Hữu Tài	Việt Nam	Thành viên	27/10/2006	19/03/2011
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	

## Kế toán trưởng

Ông Hứa Ngọc Chính                      Việt Nam                      01/12/2006

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 07 tháng 03 năm 2012





Số: 86 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.***Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 07/03/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo đúng chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo được soạn thảo phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính****Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS****Tổng Giám Đốc****Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số : 0479/KTV

**Kiểm toán viên****Lưu Vinh Khoa**

Chứng chỉ KTV số : 0166/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>28,566,776,396</b>	<b>23,915,649,535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14,385,433,292</b>	<b>14,439,612,901</b>
1. Tiền	111		785,433,292	3,039,612,901
2. Các khoản tương đương tiền	112		13,600,000,000	11,400,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,481,805,878</b>	<b>2,053,686,612</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>V.2</b>	1,500,666,989	1,684,392,169
2. Trả trước cho người bán	132	<b>V.3</b>	1,847,750,000	81,420,000
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.4</b>	133,388,889	287,874,443
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>9,987,361,161</b>	<b>7,324,374,640</b>
1. Hàng tồn kho	141		9,987,361,161	7,324,374,640
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>712,176,065</b>	<b>97,975,382</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.6</b>	667,150,307	72,250,142
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.7</b>	45,025,758	25,725,240
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>32,617,820,141</b>	<b>35,549,633,248</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,579,957,998</b>	<b>10,672,707,720</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.8</b>	9,579,957,998	10,672,707,720
- Nguyên giá	222		16,242,458,279	15,813,693,053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,662,500,281)	(5,140,985,333)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23,037,862,143</b>	<b>24,876,925,528</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.9</b>	22,686,131,105	24,864,025,186
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33,743,038	12,900,342
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>V.10</b>	317,988,000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>61,184,596,537</b>	<b>59,465,282,783</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>7,431,934,903</b>	<b>4,238,164,848</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7,247,310,566</b>	<b>4,118,187,449</b>
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	678,822,471	284,219,542
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	499,722,000	18,591,340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3,796,219,727	2,518,055,049
6. Chi phí phải trả	316		90,664,311	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1,917,090,485	657,173,298
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		264,791,572	640,148,220
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.15</b>	<b>184,624,337</b>	<b>119,977,399</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		11,000,000	11,000,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		173,624,337	108,977,399
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>53,752,661,634</b>	<b>55,227,117,935</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>53,752,661,634</b>	<b>55,227,117,935</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46,683,000,000	46,683,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(730,457,045)	(499,578,465)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		191,897	138,124
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,583,077,928	1,583,077,928
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,340,127,854	1,922,000,643
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,876,721,000	5,538,479,705
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>61,184,596,537</b>	<b>59,465,282,783</b>





**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD	V.1	44,91	58,11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Lê Minh Hoàng





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44,336,702,933	43,597,325,140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>44,336,702,933</b>	<b>43,597,325,140</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31,621,870,391	26,849,329,544
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12,714,832,542</b>	<b>16,747,995,596</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,877,311,275	1,618,396,041
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19,283,333	1,592,000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19,283,333	1,592,000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	736,863,134	353,260,932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3,955,708,770	3,270,755,868
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9,880,288,580</b>	<b>14,740,782,837</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	562,478,654	48,790,889
12. Chi phí khác	32	VI.8	69,587,033	45,414,250
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>492,891,621</b>	<b>3,376,639</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10,373,180,201</b>	<b>14,744,159,476</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2,475,764,391	3,688,854,483
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(20,842,696)	(2,814,614)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7,918,258,506</b>	<b>11,058,119,607</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1,707	2,370



Bình Dương, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

  
Hứa Ngọc Chính

Giám đốc

  
Lê Minh Hoàng

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**NĂM 2011**  
 ( Phương pháp trực tiếp )

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu khác	01		49,385,041,261	47,424,967,895
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24,870,306,600)	(18,300,646,495)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(9,201,300,000)	(7,934,429,000)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(19,283,333)	(1,592,000)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(728,982,352)	(10,812,655,744)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,535,210,888	3,172,698,568
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(10,658,095,666)	(9,512,390,295)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6,442,284,198</b>	<b>4,035,952,929</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(507,971,229)	(5,163,963,018)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,031,796,829	1,489,836,068
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1,523,825,600</b>	<b>(3,674,126,950)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(230,878,580)	(499,578,465)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,400,000,000	
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,400,000,000)	(1,000,000)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,789,464,600)	(9,667,589,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8,020,343,180)</b>	<b>(10,168,167,465)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(54,233,382)</b>	<b>(9,806,341,486)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>14,439,612,901</b>	<b>24,245,816,263</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		53,773	138,124
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>14,385,433,292</b>	<b>14,439,612,901</b>

Bình Dương, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

  
**HỨA NGỌC CHÍNH**

Giám đốc  
  
**LÊ MINH HOÀNG**



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:**

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,92%.

**Ngành, nghề kinh doanh :** Khai thác đá, đất sét; Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel; Mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng lò tuynel; Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel; Trồng cây cao su;

**Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác.

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2006.

Niên độ kế toán tiếp theo của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.





## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nợ phải thu, nợ phải trả dài hạn tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm tài chính. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả ngắn hạn tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm





**5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

**5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**5.2.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.2.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

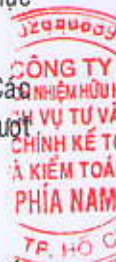
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để





## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trong vòng 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trên 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

#### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu

**Ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### 10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### 10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt tại quỹ	250,231,126	161,840,605
Tiền gửi ngân hàng	535,202,166	2,877,772,296
- Tiền gửi NH bằng VND	505,121,869	2,811,592,592
- Tiền gửi ngoại tệ ( USD ) 44,91 usd #	935,385	1,100,139
- Tiền gửi tại công ty chứng khoán để mua cổ phiếu	29,144,912	65,079,565
Các khoản tương đương tiền (*)	13,600,000,000	11,400,000,000
<b>Cộng</b>	<b>14,385,433,292</b>	<b>14,439,612,901</b>
(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	8,600,000,000	2,000,000,000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	5,000,000,000	9,400,000,000
<b>Cộng</b>	<b>13,600,000,000</b>	<b>11,400,000,000</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng(*)</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương	1,367,337,683	1,253,722,112
Công ty TNHH TM DV và SX Lý Khanh		233,472,463
Công ty TNHH Khoáng Sản Và XD Trung Thắng	133,329,306	153,285,249
Công ty TNHH Minh Long I		43,912,345
<b>Cộng</b>	<b>1,500,666,989</b>	<b>1,684,392,169</b>
(*) Các khoản phải thu đã được đối chiếu xác nhận nợ tại ngày 31/12/2011.		
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cửa hàng Thủy Vân	9,000,000	-
Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng(*)	1,724,800,000	-
Công ty TNHH Mộc Miên	55,200,000	-
Công ty TNHH MTV Nhân Tạo(*)	23,000,000	-
DNTN Tân Hoàng Long	-	12,000,000
Công ty TNHH Minh Long I	-	39,420,000
Khác	35,750,000	30,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,847,750,000</b>	<b>81,420,000</b>
(*) Đã có biên bản đối chiếu tại thời điểm 31/12/2011.		
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	133,388,889	287,874,443
<b>Cộng</b>	<b>133,388,889</b>	<b>287,874,443</b>

CÔNG TY  
 CHỨC NHIỆM HỮU  
 TRƯỞNG TÀI CHÍNH  
 KẾ TÍNH TOÁN  
 VÀ QUẢN LÝ NỢ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	6,337,267,714	4,287,755,247
Công cụ dụng cụ	56,056,678	45,359,957
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	824,562,622	589,151,634
Thành phẩm tồn kho	2,769,474,147	2,402,107,802
<b>Cộng</b>	<b>9,987,361,161</b>	<b>7,324,374,640</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	<b>9,987,361,161</b>	<b>7,324,374,640</b>
<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí khai thác đất đầu, khai mương, đắp đê ở mỏ sét Đồng Chính	667,150,307	72,250,142
<b>Cộng</b>	<b>667,150,307</b>	<b>72,250,142</b>
<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	45,025,758	25,725,240
<b>Cộng</b>	<b>45,025,758</b>	<b>25,725,240</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11,928,181,020	3,423,623,689	31,400,145	430,488,199	15,813,693,053
Tăng trong năm	-	428,765,226	-	-	428,765,226
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	11,928,181,020	3,852,388,915	31,400,145	430,488,199	16,242,458,279
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3,549,034,095	1,356,195,725	16,027,165	219,728,348	5,140,985,333
Tăng trong năm	1,007,740,362	456,038,542	3,925,020	53,811,024	1,521,514,948
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4,556,774,457	1,812,234,267	19,952,185	273,539,372	6,662,500,281
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	8,379,146,925	2,067,427,964	15,372,980	210,759,851	10,672,707,720
Số cuối năm	7,371,406,563	2,040,154,648	11,447,960	156,948,827	9,579,957,998

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối kỳ :0 đồng

Không có tài sản cố định hữu hình nào đang chờ thanh lý vào thời điểm cuối quý;

Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>9. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	21,630,268,713	23,623,142,253
Chi phí khác phát sinh trong giai đoạn XDCB mỏ sét Đồng Chanh	637,862,096	710,985,980
Chi phí sửa chữa nhà, văn phòng, căn tin, nhà kho tại VP Công ty	-	95,208,637
Chi phí sửa chữa xây nối thêm đuôi lò nung	11,231,808	26,675,555
Chi phí sửa chữa đường vào công ty	32,651,546	88,625,642
Chi phí sửa chữa nền xưởng sản xuất	6,678,780	15,862,119
Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	237,250,000	303,525,000
Chi phí sửa chữa lớn xe xúc kawasaki	27,790,000	-
Chi phí thay tole, đổ bê tông nhà xưởng	28,806,519	-
Chi phí gia công khuôn ngói 10 viên/m <sup>2</sup>	21,212,117	-
Chi phí trả tiền thuê đất và thuế CQSDĐ khu đất 5646 m <sup>2</sup>	52,379,526	-
<b>Cộng</b>	<b><u>22,686,131,105</u></b>	<b><u>24,864,025,186</u></b>
<b>10. Tài sản dài hạn khác</b>		
Ký quỹ phục hồi môi trường	317,988,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>317,988,000</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>11. Phải trả cho người bán</b>		
DNTN Minh Tiến(*)	568,693,471	284,219,542
CN cty CP VLXD Khánh Hòa-XN GN Ninh Hòa TN25	2,500,000	-
DNTN TM Nhật Hoàng Minh	8,750,000	-
DNTN Trọng Phát	98,879,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>678,822,471</u></b>	<b><u>284,219,542</u></b>
(*) Khoản phải trả người bán đã được xác nhận nợ tại ngày 31/12/2011.		
<b>12. Người mua trả tiền trước</b>		
DNTN Minh Tiến(*)	496,590,000	13,987,500
DNTN Huỳnh Thu	3,125,000	3,125,000
Lê Hồng Sơn	-	1,478,540
Khác	7,000	300
<b>Cộng</b>	<b><u>499,722,000</u></b>	<b><u>18,591,340</u></b>
(*) Khoản người mua trả tiền trước đã được xác nhận nợ tại ngày 31/12/2011.		
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT phải nộp	127,728,077	373,668,859
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,450,602,541	1,703,820,502
Thuế thu nhập cá nhân	61,600,889	149,903,051
Thuế tài nguyên	75,461,400	191,428,772
Tiền thuê đất	62,859,820	51,601,365
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17,967,000	47,632,500
<b>Cộng</b>	<b><u>3,796,219,727</u></b>	<b><u>2,518,055,049</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	1,756,110,483	488,510,558
Kinh phí công đoàn	63,294,022	58,976,760
Các khoản khác	97,685,980	109,685,980
<b>Cộng</b>	<b>1,917,090,485</b>	<b>657,173,298</b>

(\*) Giá trị đất sét, than cám thừa được xác định từ kết quả kiểm kê tại thời điểm cuối niên độ 2011, chưa xác định chính xác nguyên nhân.

15. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay cán bộ công nhân viên	11,000,000	11,000,000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	173,624,337	108,977,399
<b>Cộng</b>	<b>184,624,337</b>	<b>119,977,399</b>

**16. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Năm trước</b>					
<b>Số dư đầu năm trước</b>	46,683,000,000	5,000,000,000	1,583,077,928	1,369,096,036	7,457,812,948
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm	-	-	-	-	11,058,119,607
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	11,896,905,607
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	552,904,607	552,904,607
+ Cổ tức đã trả cho cổ đông	-	-	-	-	9,667,589,000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng	-	-	-	-	1,676,412,000
Trích thặng dư vốn cổ phần và khoản thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết 30/NQ/CP nộp thuế TNDN truy thu 2007, 2008 theo NQ ĐHĐCĐ 2010.	-	(5,000,000,000)	-	-	1,080,547,243
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>46,683,000,000</b>	-	<b>1,583,077,928</b>	<b>1,922,000,643</b>	<b>5,538,479,705</b>
<b>Năm nay</b>					
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>46,683,000,000</b>	-	<b>1,583,077,928</b>	<b>1,922,000,643</b>	<b>5,538,479,705</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm nay	-	-	-	-	7,918,258,506
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	9,580,017,211
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	418,127,211	418,127,211
+ Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	7,885,110,000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng	-	-	-	-	1,276,780,000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>46,683,000,000</b>	-	<b>1,583,077,928</b>	<b>2,340,127,854</b>	<b>3,876,721,000</b>

2050009  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP  
NHẬN HỮU  
TƯ VẤN VÀ  
KIỂM KẾ TÀI  
TOÁN  
HÀ NAM  
P. HỒ C



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	13,953,600,000	13,953,600,000	13,953,600,000	13,953,600,000
-Vốn góp của cổ đông khác	32,429,400,000	32,429,400,000	32,522,400,000	32,522,400,000
-Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	300,000,000	300,000,000	207,000,000	207,000,000
<b>Cộng</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>

Công ty không phát hành trái phiếu.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	46,683,000,000	46,683,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	46,683,000,000	46,683,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>7,885,110,000</b>	<b>9,667,589,000</b>

<b>Cổ phiếu :</b>	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	30.000 cổ phần	20.700 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	30.000 cổ phần	20.700 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.638.300 cổ phần	4.647.600 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	4.638.300 cổ phần	4.647.600 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gạch ngói	29,130,908,594	27,868,337,718
Doanh thu đất sét	15,205,794,339	15,633,749,327
Doanh thu dịch vụ	-	95,238,095
<b>Cộng</b>	<b>44,336,702,933</b>	<b>43,597,325,140</b>

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn sản phẩm gạch ngói	24,150,070,312	19,829,475,514
Giá vốn đất sét	7,471,800,079	7,019,854,030
<b>Cộng</b>	<b><u>31,621,870,391</u></b>	<b><u>26,849,329,544</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,877,311,275	1,618,396,041
<b>Cộng</b>	<b><u>1,877,311,275</u></b>	<b><u>1,618,396,041</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	19,283,333	1,592,000
<b>Cộng</b>	<b><u>19,283,333</u></b>	<b><u>1,592,000</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	50,567,720	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	481,019,641	209,329,658
Chi phí bằng tiền khác	205,275,773	143,931,274
<b>Cộng</b>	<b><u>736,863,134</u></b>	<b><u>353,260,932</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2,946,960,770	2,507,502,165
Chi phí vật liệu quản lý	32,658,610	21,760,436
Chi phí đồ dùng văn phòng	7,714,601	9,562,728
Chi phí khấu hao TSCĐ	62,634,936	62,634,936
Thuế, phí và lệ phí	84,822,042	30,668,773
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	79,462,938	65,645,871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341,850,996	346,483,487
Chi phí bằng tiền khác	399,603,877	226,497,472
	<b><u>3,955,708,770</u></b>	<b><u>3,270,755,868</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Xử lý kết quả thừa kiểm kê năm 2010	488,510,558	-
Thu nhập khác	73,968,096	48,790,889
<b>Cộng</b>	<b><u>562,478,654</u></b>	<b><u>48,790,889</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hành chính	15,006,367	-
Chi phí khác	54,580,666	45,414,250
<b>Cộng</b>	<b><u>69,587,033</u></b>	<b><u>45,414,250</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	13,479,497,380	10,836,088,426
Chi phí công cụ	98,169,339	74,438,452
Chi phí nhân công	9,975,114,567	8,327,573,650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,521,514,948	1,458,828,368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,822,716,428	5,277,464,244
Chi phí khác bằng tiền	6,339,250,240	5,436,204,490
<b>Cộng</b>	<b>37,236,262,902</b>	<b>31,410,597,630</b>

10. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10,373,180,201</b>	<b>14,744,159,476</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	98,377,147	11,258,455
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm ( - )	15,006,367	-
+ Phạt vi phạm hành chính	15,006,367	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm ( - )	83,370,780	11,258,455
+ Tiền thuê đất phải nộp	11,258,455	11,258,455
+ Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	72,112,325	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>10,471,557,348</b>	<b>14,755,417,931</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,617,889,337	3,688,854,483
Thuế TNDN giảm 30% số phải nộp từ hoạt động sản xuất gạch ngói theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	(142,124,946)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2,475,764,391</b>	<b>3,688,854,483</b>

<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>10,471,557,348</b>	<b>14,755,417,931</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,617,889,337	3,688,854,483
Thuế TNDN giảm 30% số phải nộp từ hoạt động sản xuất gạch ngói theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	(142,124,946)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2,475,764,391</b>	<b>3,688,854,483</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 2011 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,918,258,506	11,058,119,607
Số cổ phiếu bình quân lưu hành (*)	4,638,861	4,665,145
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,707</b>	<b>2,370</b>
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tháng lưu hành</b>
- Số đầu kỳ	4,647,600	12
- PS tăng trong kỳ		
- PS giảm trong kỳ	(9,300 )	
		<b>Số cổ phiếu bình quân lưu hành 2011</b>
		4,647,600
		(8,739 )
		<b>4,638,861</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(*) Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Số lượng cổ phiếu	Số ngày lưu hành	Số cổ phiếu bình quân lưu hành 2011
- Số đầu kỳ	4,647,600		4,647,600
- PS giảm trong kỳ	(9,300)	107	(8,739)
18/01/11	(3,000)	18	(2,852)
20/01/11	(3,000)	20	(2,836)
21/01/11	(2,500)	21	(2,356)
17/02/11	(800)	48	(695)
<b>CỘNG</b>	<b>4,638,300</b>		<b>4,638,861</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Giao dịch với bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	640,641,000	664,476,000
Tiền thưởng	490,364,000	300,878,000
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	350,216,000	236,723,000
<b>Cộng</b>	<b>1,481,221,000</b>	<b>1,202,077,000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Vật liệu Xây dựng Bình Dương	
Đại lý Lê Túy Dũng	Cổ đông

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên	- Phải thu tiền bán sản phẩm	18,575,181,398	16,667,653,289
Vật liệu và Xây dựng Bình	- Đã thu tiền bán sản phẩm	18,461,565,827	16,495,657,051



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Đại lý Lê Túy Dũng	- Phải thu tiền bán sản phẩm	2,568,083,382	2,040,747,683
	- Đã thu tiền bán sản phẩm	2,568,083,382	2,040,747,683

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	1,367,337,683	1,253,722,112

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng
- Khai thác đất sét

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Khai thác, kinh doanh đất sét	Hoạt động khác	Cộng
<b>2.1 Năm nay:</b>				
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29,130,908,594	15,205,794,339	-	44,336,702,933
Giá vốn hàng bán	24,150,070,312	7,471,800,079	-	31,621,870,391
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,980,838,282	7,733,994,260	-	12,714,832,542
Chi phí không phân loại theo bộ phận				4,692,571,904
Doanh thu hoạt động tài chính				1,877,311,275
Chi phí tài chính				19,283,333
Thu nhập khác				562,478,654
Chi phí khác				69,587,033
Chi phí thuế TNDN hiện hành				2,475,764,391
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(20,842,696)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7,918,258,506
<b>Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	2,213,163,695	1,604,410,360		3,817,574,055
- Chi phí khấu hao	1,338,393,988	183,120,960		1,521,514,948
- Chi phí trả trước dài hạn	874,769,707	1,421,289,400		2,296,059,107





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và chi phí trả trước dài hạn</b>	609,297,890	140,576,472		749,874,362
- Tài sản cố định	288,188,754	140,576,472		428,765,226
- Chi phí trả trước dài hạn	321,109,136	-		321,109,136
<b>Tài sản bộ phận</b>	8,341,940,854	23,924,148,249		32,266,089,103
- Tài sản cố định	7,923,940,558	1,656,017,440		9,579,957,998
- Chi phí trả trước dài hạn	418,000,296	22,268,130,809		22,686,131,105
- Tài sản không phân bổ				28,918,507,434
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>61,184,596,537</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>				
Nợ phải trả bộ phận	110,129,000	568,693,471		678,822,471
Nợ phải trả không phân loại				6,753,112,432
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>7,431,934,903</b>
<b>2.1 Năm trước:</b>				
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	27,868,337,718	15,633,749,327	95,238,095	43,597,325,140
Giá vốn hàng bán	19,829,475,514	7,019,854,030		26,849,329,544
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,038,862,204	8,613,895,297		16,652,757,501
Chi phí không phân loại theo bộ phận				3,624,016,800
Doanh thu hoạt động tài chính				1,618,396,041
Chi phí tài chính				1,592,000
Thu nhập khác				48,790,889
Chi phí khác				45,414,250
Chi phí thuế TNDN hiện hành				3,688,854,483
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(2,814,614)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11,058,119,607
<b>Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	1,286,359,709	172,468,659		1,458,828,368
- Chi phí khấu hao	1,286,359,709	172,468,659		1,458,828,368
- Chi phí trả trước dài hạn				-
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và chi</b>	1,367,554,373	4,279,094,455		5,646,648,828
- Tài sản cố định	870,051,945	14,545,455		884,597,400
- Chi phí trả trước dài hạn	497,502,428	4,264,549,000		4,762,051,428
<b>Tài sản bộ phận</b>	9,504,042,745	26,032,690,161		35,536,732,906
- Tài sản cố định	8,974,145,792	1,698,561,928		10,672,707,720
- Chi phí trả trước dài hạn	529,896,953	24,334,128,233		24,864,025,186
- Tài sản không phân bổ				23,928,549,877
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>59,465,282,783</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**Nợ phải trả bộ phận**

Nợ phải trả bộ phận	-	284,219,542	284,219,542
Nợ phải trả không phân loại			3,953,945,306
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>4,238,164,848</b>

**3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2011**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2011 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

**5. Thông tin khác**

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản sét gạch ngói số 67/GP-UBND ngày 22/6/2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty được phép khai thác với sản lượng là 70.000 m<sup>3</sup>/năm. Tuy nhiên, sản lượng khai thác thực tế qua các năm của Công ty cao hơn nhiều so với sản lượng được phép ( kể cả năm 2011 ). Công ty đã thực hiện thủ tục xin phép tăng sản lượng khai thác nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã phạt Công ty vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản do sản lượng khai thác sét gạch ngói vượt sản lượng được cấp phép và yêu cầu Công ty khai thác sét gạch ngói đúng theo sản lượng được cho phép.

Trong năm tài chính 2012 và các năm tiếp theo, nếu Công ty không được phép tăng sản lượng khai thác sét gạch ngói, hoạt động kinh doanh cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể sẽ bị ảnh hưởng rất đáng kể.

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Bình Dương, ngày 07 tháng 03 năm 2012



Giám đốc  
Lê Minh Hoàng